

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

TỈNH BẾN TRE

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Truyền.

2. Bà Lê Thị Hồng Nhan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 06/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05/01/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2018. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Đăng ký thường trú: ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp P1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn Minh H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Trú tại: ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 05/01/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Chị C và anh H thành hôn do mai mối và tự nguyện kết hôn vào năm 2005, anh chị có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C (nay là xã P, huyện M) vào năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống ở bên gia đình cha mẹ chồng tại ấp M, xã P, vợ chồng sống hạnh phúc

được khoảng thời gian vài năm đầu nhưng thời gian sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu vợ chồng mất hạnh phúc là do anh H không quan tâm chăm sóc cho vợ con, thường hay nhậu nhẹt và chửi mắng vợ con, vợ chồng còn thường xung đột với nhau; chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi. Do đó, chị đã ly thân với anh H khoảng từ tháng 11 năm 2017; thời gian ly thân, anh H có gặp chị tại nhà cha mẹ ruột chị ở ấp P1, xã P nhưng anh H không có bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn chửi mắng đe dọa chị nhiều lần. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Thời gian sống chung, vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đinh Hoàng P, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Đinh Ngọc N, sinh ngày 28/10/2009. Từ lúc ly thân đến nay, cháu P sống chung với anh H, còn cháu N sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, còn cháu P sẽ do anh H trực tiếp nuôi, chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Đinh Văn Minh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim C; về con chung: chị C được trực tiếp nuôi con là cháu Đinh Ngọc N, sinh ngày 28/10/2009, anh H được trực tiếp nuôi con là cháu Đinh Hoàng P, sinh ngày 22/9/2004, chị C và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Kim C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đinh Văn Minh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Kim C và anh Đinh Văn Minh H trên cơ sở mai mối nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C (nay là xã P, huyện M) vào năm 2005. Xét thấy, hôn nhân của chị C và anh H tuân thủ đầy đủ các quy

định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, chị C và anh H có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị C xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị C cho rằng: nguyên nhân chủ yếu vợ chồng mất hạnh phúc là do anh H không quan tâm chăm sóc cho vợ con, thường hay nhậu nhẹt và chửi mắng vợ con, vợ chồng còn thường xung đột với nhau. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời chị C và anh H đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh H không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với chị C; hơn nữa theo chị C trình bày: anh chị đã ly thân nhau khoảng từ tháng 11 năm 2017 và vẫn tiếp tục sống ly thân cho đến nay; thời gian ly thân, anh chị có gặp gỡ nhau nhưng không có bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: chị C và anh H là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà thường xung đột với nhau và vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau; chị C, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: chị C và anh H có 02 con chung là cháu Đinh Hoàng P, sinh ngày 22/9/2004 và cháu Đinh Ngọc N, sinh ngày 28/10/2009. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, còn cháu P sẽ do anh H trực tiếp nuôi, chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào lời trình bày của chị C thì từ khi chị C và anh H ly thân nhau cho đến nay cháu N đã sống chung với chị C, còn cháu P đã sống chung với anh H, hiện tại chị C, anh H cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và cháu N; Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng không có văn bản trình bày ý kiến tranh chấp về nuôi cháu N với chị C. Đồng thời, căn cứ vào “Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên” đề ngày 08/3/2018 và ngày 27/4/2018 thì cháu P có nguyện vọng được sống chung với anh H, còn cháu N có nguyện vọng được sống chung với chị C. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu P và cháu N như: các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần nên Hội đồng xét xử giao cháu P cho anh H được trực tiếp nuôi, giao cháu N cho chị C được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị C, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của anh chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: chị C trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng không có văn bản trình bày ý kiến và đơn tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn với chị C nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về nợ chung: chị C trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng không có văn bản trình bày là anh và chị C có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị C phải chịu do chị yêu cầu ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim C. Chị Lê Thị Kim C được ly hôn với anh Đinh Văn Minh H.

Về nuôi con chung: chị Lê Thị Kim C được trực tiếp nuôi con là cháu Đinh Ngọc N, sinh ngày 28/10/2009, hiện đang sống chung với chị C; anh Đinh Văn Minh H được trực tiếp nuôi con là cháu Đinh Hoàng P, sinh ngày 22/9/2004, hiện đang sống chung với anh H; chị C, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C, anh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu

cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị C trình bày là không có nên không đề cập.

Về nợ chung: chị C trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Lê Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000xxxx ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng Kiểm tra NV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt